

Số: 29 /NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 11 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về dự kiến kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách nhà nước năm 2023 của tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 10

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng
Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách
nhà nước năm 2023;*

*Xét Báo cáo số 82/BC-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 và dự
kiến kế hoạch năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 của tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công năm 2023

1.1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

1.2. Danh mục dự án và kế hoạch vốn năm 2023 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022 và không vượt quá kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025 trừ đi vốn đã bố trí trong giai đoạn đến hết 2022; phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2023.

Chỉ giao kế hoạch vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

1.3. Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án.

1.4. Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, việc phân bổ vốn phải bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Bố trí đủ vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (*nếu có*) và trả nợ vốn vay đến hạn phải trả.

b) Bố trí đủ vốn để thu hồi vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

c) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2022; dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2023 theo thời gian bố trí vốn.

d) Bố trí vốn cho các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

đ) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

e) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án theo thứ tự trên mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đã có đầy đủ thủ tục đầu tư, được chuẩn bị kỹ để sẵn sàng triển khai thực hiện.

2. Dự kiến kế hoạch vốn và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2023

2.1. Tổng vốn ngân sách địa phương năm 2023 dự kiến là 4.619,1 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung: 803,077 tỷ đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 3.500 tỷ đồng.
- Thu xổ số kiến thiết: 35 tỷ đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương: 281 tỷ đồng.

2.2. Tổng vốn ngân sách trung ương năm 2023 dự kiến là 1.703,3 tỷ đồng, bao gồm:

a) Vốn trong nước là 1.583,3 tỷ đồng, phân bổ như sau:

- Các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương 5 năm 2021-2025, dự kiến năm 2023 là 1.278,3 tỷ đồng, bao gồm:

+ Thu hồi đủ vốn ngân sách trung ương ứng trước của 01 dự án là 192,5 tỷ đồng.

+ Số vốn còn lại 1.085,9 tỷ đồng, phân bổ cho 10 dự án, cụ thể như sau:

(1) Bố trí đủ 440,7 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương để trong năm 2023 đầu tư hoàn thành 04 dự án nhóm B chuyển tiếp.

(2) Dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội:

Phân bổ 300 tỷ đồng cho 01 dự án nhóm A chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022 (*dự án Xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương*).

(3) Phân bổ 345,2 tỷ đồng cho 05 dự án nhóm B khởi công mới năm 2023.

- Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, phân bổ năm 2023 là 304,5 tỷ đồng, bao gồm:

+ Dự án Đầu tư, phát triển Trường Cao đẳng nghề Hải Dương là 70 tỷ đồng.

+ Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương là 235 tỷ đồng.

b) Vốn nước ngoài (*cấp phát từ ngân sách trung ương*) năm 2023 là 120 tỷ đồng, phân bổ cho 01 dự án nhóm A chuyển tiếp theo tiến độ được phê duyệt.

(*Chi tiết về dự kiến kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 và phương án phân bổ chi tiết có các phụ lục biểu số 01, 02 và 03 kèm theo*)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Căn cứ thông báo số vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn thiện dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Căn cứ quyết định giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ:

2.1. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023.

2.2. Quyết định phân bổ chi tiết kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023 theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.


3. Tổ chức rà soát, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, cơ cấu lại kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương 5 năm 2021-2025 theo

hướng tập trung đầu tư các công trình, dự án trọng điểm, cấp bách, có sức lan tỏa, phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, tạo đột phá để thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT. 

(để báo cáo)

CHỦ TỊCH



Phạm Xuân Thăng

NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN HOÀN THÀNH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025



Thực hiện theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Nhu cầu và dự kiến KH vốn năm 2023			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		KH vốn NSTW còn lại của giai đoạn 2023-2025		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước	Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước		Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước	
										Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=10-13	16=11-14	17	18	19	
TỔNG SỐ							4,677,317	3,139,374	2,715,199	510,627		1,016,862	318,152	1,698,337	192,475	1,802,959	1,278,337	192,475	
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						422,100	355,162	353,162				32,000		321,162	192,475	251,162	251,162	
(1)	Dự án chuyên tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023						90,000	90,000	88,000				32,000		56,000	56,000	56,000	56,000	
1	Xử lý cấp bách các công trình đê điều tỉnh Hải Dương	B	H. Kim Thành, Nam Sách, Thanh Hà, Tứ Kỳ, Ninh Giang, TP Chí Linh, TPHD	4,23 km đê và xây dựng mới 09 công dưới đê	2021-2023	1199; 23/4/2021	90,000	90,000	88,000				32,000		56,000	56,000	56,000	56,000	
(2)	Dự án khởi công mới năm 2023						332,100	265,162	265,162						265,162	192,475	195,162	195,162	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các huyện Cẩm Giàng, Kinh Môn, Tứ Kỳ, Gia Lộc - tỉnh Hải Dương	B	H. Cẩm Giàng, Tứ Kỳ; thị xã Kinh Môn	173 ha	2023-2024	3866, 23/12/2016; 3516, 08/10/2019	72,000	35,162	35,162						35,162	35,162	35,162	35,162	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (vùng sản xuất bắc và nam sông Cửu An)	B	Huyện Ninh Giang	175 ha	2023-2024	3148, 02/11/2016; 21/NQ-HĐND, 12/7/2021	90,100	60,000	60,000						60,000	60,000	60,000	60,000	
3	Dự án nạo vét và gia cố kênh trung thủy nông Sắt - Phú, huyện Bình Giang	B	H. Bình Giang	Tưới 1.929 ha đất canh tác; tiêu 2.134 ha	2023-2025	25/NQ-HĐND; 12/7/2021	170,000	170,000	170,000						170,000	100,000	100,000	100,000	
II	Giao thông						4,255,217	2,784,212	2,362,037	510,627			984,862	318,152	1,377,175	192,475	1,551,797	1,027,175	192,475
II.1	Danh mục dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao tốc, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội						1,778,886	1,000,000	1,000,000				500,000		500,000	300,000	300,000	300,000	300,000

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Nhu cầu và dự kiến KH vốn năm 2023		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		KH vốn NSTW còn lại của giai đoạn 2023-2025		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước	Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước		Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước
										Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=10-13	16=11-14	17	18	19
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023						1,778,886	1,000,000	1,000,000			500,000		500,000		600,000	300,000	
1	Xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	A	Thanh Miện + Ninh Giang + Tứ Kỳ	36,49km	2021-2024	1643/QĐ-UBND, 03/6/2021; 22/NQ-HĐND, 12/7/2022	1,778,886	1,000,000	1,000,000			500,000		500,000		600,000	300,000	
II.2	Danh mục dự án khác						2,476,331	1,784,212	1,362,037	510,627		484,862	318,152	877,175	192,475	951,797	727,175	192,475
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022						1,045,686	998,204	593,029	510,627		400,554	318,152	192,475	192,475	192,475	192,475	192,475
1	Xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và đường 390	B	Thanh Hà, Nam Sách, TPHD	12 km đường và 01 cầu vượt QL5	KC: 2012; HT: 2021	3222, 11/9/2007; 3317, 06/12/2011; 2553, 01/11/2016; 3107, 10/12/2014; 2310, 10/9/2015; 1280, 18/5/2016; 1517, 12/6/2020	1,045,686	998,204	593,029	510,627		400,554	318,152	192,475	192,475	192,475	192,475	192,475
(2)	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023						1,047,209	486,008	469,008			84,308		384,700		525,886	384,700	
1	Xây dựng đường gom đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, huyện Kim Thành	B	Kim Thành	4,26 km	2021-2023	4087; 31/12/2020	150,000	150,000	148,000			36,783		111,217		111,217	111,217	
2	Xây dựng cầu vượt tại nút giao giữa đường dẫn Cầu Hàn, đường Ngô Quyền và Quốc lộ 5, thành phố Hải Dương	B	TPHD	01 cầu vượt trên QL5	2020-2023	2618, 31/8/2020; 1068, 05/4/2021; 2042, 14/7/2021	427,389	200,000	185,000			47,525		137,475		137,475	137,475	
2	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Đồng Việt kết nối với Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh	B	Chí Linh	5,13 km	2022-2024	3849; 25/12/2021	469,820	136,008	136,008					136,008		277,194	136,008	
(3)	Dự án khởi công mới năm 2023						383,436	300,000	300,000					300,000		233,436	150,000	
1	Xây dựng đường tránh 391 đoạn qua địa bàn thị trấn Tứ Kỳ và xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ	B	Tứ Kỳ	2,16km	2023-2024	402; 28/01/2022	133,436	100,000	100,000					100,000		83,436	50,000	
2	Đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (Đoạn từ Quốc lộ 37 vào chùa Côn Sơn)	B	Chí Linh	4,28km	2023-2024	23/NQ-HĐND, 12/7/2021	250,000	200,000	200,000					200,000		150,000	100,000	

NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI



(Kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022		Dự kiến kế hoạch Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Nhu cầu và dự kiến KH 2023 cho nhiệm vụ, dự án từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT (lần cuối)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW	Tổng số		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2022		Tổng số		Trong đó, chuẩn bị đầu tư
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Tr.đó, chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Tr.đó, chuẩn bị đầu tư			
TỔNG SỐ						619,999.4	304,999.4			304,999.4				304,999.4		
Dự án khởi công mới năm 2023						619,999.4	304,999.4			304,999.4				304,999.4		
1	Đầu tư, phát triển Trường Cao đẳng nghề Hải Dương	B	Phường Ái Quốc, TP Hải Dương	2022-2024	14/NQ-HĐND, 24/6/2022	69,999.4	69,999.4			69,999.4				69,999.4		
2	Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương		tỉnh Hải Dương	2022-2024		550,000.0	235,000.0			235,000.0				235,000.0	Thông báo số 681/TTg-KTTH, 01/8/2022	



HƯỚNG DẪN DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023

Thực hiện theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư						KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu và dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2023										
							Số quyết định; ngày, tháng, năm (bao gồm lần đầu và các lần điều chỉnh, nếu có)						TMĐT (lần cuối)						Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022		Tổng số	Bao gồm	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Vốn đối ứng (vốn NSTW trong nước)	Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)	Vốn đối ứng (vốn NSTW trong nước)	Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)				
								Tổng số	Trong đó, vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Vốn đối ứng (vốn NSTW trong nước)	Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)		Tổng số	Bao gồm								
											Tổng số	Cấp phát từ NSTW	Vay lại						Vốn đối ứng (vốn NSTW trong nước)					Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)			
TỔNG SỐ							1,774,584	443,646			1,330,938	399,281	931,657	288,040		288,040	336,684		132,720	120,000		120,000					
Lĩnh vực phát triển hạ tầng đô thị							1,774,584	443,646			1,330,938	399,281	931,657	288,040		288,040	336,684		132,720	120,000		120,000					
Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023							1,774,584	443,646			1,330,938	399,281	931,657	288,040		288,040	336,684		132,720	120,000		120,000					
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	7677216	A	WB	Ngày 11/10/2019	Ngày 30/6/2025	967; 22/3/2019	1,774,584	443,646		59,119 triệu USD	1,330,938	399,281	931,657	288,040		288,040	336,684		132,720	120,000		120,000				